FIRE RETARDANT ADDITIVES

Bản Thông Tin An Toàn

Hydral® 710

Hệ Thống Hài Hòa Toàn Cầu (GHS)

Ngay Ban Hành: 30/03/2020 **Số Hiệu Bản Sửa Đổi:** 1.3
Ngày In: 17/11/2020

MỤC 1: Lai lịch chất/hỗn hợp và công ty/đơn vị đảm nhiệm

1.1. Định danh sản phẩm

Tên Sản Phẩm: Hydral® 710

Chất/hỗn hợp tinh khiết Chất

Tên Hóa Chất	Số CAS	Số đăng ký REACH (Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép, và Hạn Chế về Hóa Chất)	TSCA (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Hoa Kỳ	GHS Phân loại	% trọng lượng
Nhôm hydroxyd	21645-51-2	01-2119529246-39	A	Không được phân loại.	100

1.2. Công dụng đã được xác định là phù hợp của chất hoặc hỗn hợp và công dụng được khuyên nên tránh

Công Dụng Đề Nghị chất làm chậm cháy

Các công dụng được khuyên nên tránh Chưa được biết.

1.3. Thông tin chi tiết về nhà cung cấp bản thông tin an toàn

Công ty:
J.M. Huber Corporation
3100 Cumberland Boulevard, Suite 600
Atlanta, GA 30339 USA
Tel: +1 678 247-7300
MARTINSWERK GmbH
Kölner Strasse 110
50127 Bergheim
Germany
Tel. : +49-2271-90.22.78
Fax. : +49-2271-90.27.17

Internet www.hubermaterials.com

E-mail hubermaterials@huber.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

CHEMTREC: +1 800 424 9300 or Quốc tế +1 703 527 3887

MỤC 2: Nhận Diện Hiểm Họa

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Thông tin về hỗn hợp so với chất Không có thông tin

GHS Phân loại Sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm theo hướng dẫn GHS của Liên Hợp Quốc (UN) và không yêu cầu phải ghi nhãn

Nhận diện hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý Không được phân loại.

Các Hiểm Họa Cho Sức Khỏe Không được phân loại

Hiểm họa môi trường Không được phân loại.

2.2. Các thành phần của nhãn

Ký Hiệu/Hình Đồ Không có

Từ Cảnh Báo Không có

Tiêu Ngữ Đề Phòng

Phòng ngừa Sử dụng biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt
Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn
Không hít bụi
Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt

Ứng phó KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước

Bảo quản Bảo quản xa các vật liệu không tương thích.

Thải bỏ Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương.

Thông Tin Thêm: Không có.

2.3. Các hiểm họa khác Không có thông tin.

MỤC 3: Thành Phần Cấu Tạo/Thông Tin Về Thành Phần

Chất/hỗn hợp tinh khiết Chất

Tên Hóa Chất	Số CAS	Số đăng ký REACH (Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép, và Hạn Chế về Hóa Chất)	GHS Phân loại	% trọng lượng
Nhôm hydroxyd	21645-51-2	01-2119529246-39	Không được phân loại.	100

MỤC 4: Các biện pháp sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

Hướng Dẫn Chung	Khi nghi ngờ hoặc thấy có triệu chứng, tìm bác sĩ hướng dẫn. Phải chắc chắn cho nhân viên y tế biết (các) vật liệu có liên quan để họ sử dụng các biện pháp phòng ngừa để tự bảo vệ.
Tiếp Xúc Với Mắt	Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, lấy kính tiếp xúc ra rồi rửa ngay lập tức bằng nhiều nước, trong lúc rửa kéo các mí mắt ra, trong thời gian ít nhất 15 phút.
Tiếp Xúc Với Da	Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.
Hít phải	Nếu khó thở, đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở.
Ăn phải	Súc sạch miệng với nước.
Hiểm họa hít phải qua miệng	Không được xem là đường tiếp xúc.
Bác Sĩ Cần Lưu Ý	Điều trị triệu chứng.
4.2. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện	Các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm ho, thở hổn hển, nghẹt và khó thở.
4.3. Dấu hiệu cần thiết phải được bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Nên điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ.

MỤC 5: Các biện pháp chữa cháy

5.1. Chất chữa cháy

Chất Chữa Cháy Phù Hợp
Xịt nước (phun sương). Bọt. Hóa chất khô. Cacbon dioxyt (CO2).

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp
Chưa được biết.

5.2. Các hiểm họa đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp
Chưa được biết.

5.3. Hướng dẫn cho nhân viên chữa cháy

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy
Sử dụng thiết bị thở độc lập và trang phục bảo hộ chống hóa chất.

Các biện pháp chữa cháy
Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít khói.

MỤC 6: Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

6.1. Các biện pháp đề phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp Bảo đảm thông khí đầy đủ. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo hướng dẫn ở Mục 8. Tránh tạo thành bụi. Giữ người không được phép tránh xa.

Với người không phải là nhân viên ứng cứu khẩn cấp Giữ người không được phép tránh xa.

Với nhân viên ứng cứu khẩn cấp Giữ người không được phép tránh xa. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo hướng dẫn ở Mục 8.

6.2. Các biện pháp đề phòng cho môi trường Tránh không cho chảy vào kênh rạch hoặc cống rãnh.

6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch Tràn Đổ Lớn: Không quét khô bụi. Lấy nước làm ướt bụi trước khi quét hoặc sử dụng máy hút bụi để thu gom Tràn Đổ Nhỏ: Hút hoặc quét lấy vật liệu và cho vào dụng cụ đựng để thải bỏ

6.4. Tham khảo các mục khác Mục 8: Kiểm soát tiếp xúc và bảo vệ cá nhân. Xem Mục 13 để biết thêm thông tin về việc xử lý chất thải.

MỤC 7: Thao tác và bảo quản

7.1. Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn Giảm thiểu phát sinh và tích tụ bụi
Sử dụng biện pháp hút thoát khí tại chỗ
Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn

7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ Bảo quản xa các vật liệu không tương thích
Giữ dụng cụ đựng thật kín và khô

7.3. (Các) công dụng đặc biệt cho người dùng trực tiếp) chất làm chậm cháy.

MỤC 8: Kiểm soát tiếp xúc/bảo vệ cá nhân

Các Giới Hạn Tiếp Xúc Thực hiện thông khí và hút thoát khí đầy đủ tại những điểm quan trọng

Nhôm hydroxyd

ACGIH	TLV/TWA 8-hr: 1 mg/m³ (respirable fraction)
OSHA (Cơ Quan Quản Lý An Toàn Lao Động và Sức Khỏe Nghề Nghiệp)	TWA: 15 mg/m³ Total Dust 5 mg/m³ Respirable Dust
Mexico	Not established

Biện Pháp Kỹ Thuật Bảo đảm thông khí đầy đủ, nhất là ở những khu vực có không gian hạn chế

Thiết lập một tiêu chuẩn tốt cho biện pháp thông khí có kiểm soát (từ 10 đến 15 lần thay không khí mỗi giờ)

Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt	Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ)
Bảo Vệ Da và Cơ Thể	Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp
Bảo Vệ Tay	Găng tay không thấm
Bảo Vệ Đường Hô Hấp	Khi công nhân gặp phải những nồng độ cao hơn giới hạn tiếp xúc họ phải sử dụng thiết bị thở được chứng nhận phù hợp
Các Biện Pháp Vệ Sinh	Thao tác theo tiêu chuẩn thực hiện tốt vệ sinh và an toàn
Các biện pháp kiểm soát tiếp xúc với môi trường	Thải bỏ theo quy định của địa phương

MỤC 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1. Thông tin về các tính chất lý hóa cơ bản

Ngoại quan:	
Trạng Thái Vật Lý	Rắn Bột
Mùi	Không mùi
Ngưỡng Phát Hiện Mùi	Không có thông tin
pH:	8.4 - 10.2 5% Nước dung dịch keo
Điểm chảy / Điểm đông	ca 300 °C / 572 °F (101.3 kPa)
Điểm sôi ban đầu	5396 °F (2980 °C) 101.3 kPa
Điểm Chớp Cháy:	Không áp dụng.
Tốc Độ Bay Hơi	Không áp dụng.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng
Giới hạn cháy trên:	
Giới hạn cháy dưới	
Áp Suất Hơi	Không áp dụng
Tỷ Trọng Hơi	Không áp dụng
Tỷ Trọng Tương Đối	2.4 g/cm3, 20° C
Độ Tan Trong Nước	Không tan
Độ tan trong các dung môi khác	Không có thông tin
Hệ số phân tách	Không có thông tin
Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy	Không áp dụng
Nhiệt Độ Phân Hủy	392 °F (200 °C)
Độ nhớt	Không áp dụng.
Tính Chất Nổ	Không có
Tính Chất Oxy Hóa	Không áp dụng
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Không áp dụng

MỤC 10: Độ bền và khả năng phản ứng

10.1. Khả năng phản ứng	Không có
10.2. Độ bền hóa học	Bền trong các điều kiện thông thường
10.3. Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Không có trong điều kiện xử lý bình thường
10.4. Các điều kiện cần tránh	Vật liệu tương kỵ
10.5. Vật liệu tương kỵ	Các axit mạnh
10.6. Sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Chưa được biết

MỤC 11: Thông tin về độc tính

Thông Tin Chung	Người sử dụng nên xem xét các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp của quốc gia hoặc các giá trị tương đương khác.

Thông tin về các Đường Tiếp Xúc Có Thể Gặp

Hít phải	Không hít bụi Hít phải bụi có thể gây kích ứng hệ hô hấp
Da	Tiếp xúc với bụi có thể bị kích ứng cơ học hoặc khô da
Mắt	Bụi tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng cơ học
Ăn phải	Ăn phải có khả năng không phải là đường tiếp xúc
Hiểm họa hít phải qua miệng	Không được xem là đường tiếp xúc.

11.1. Thông tin về các tác dụng độc

Nhôm hydroxyd

LD50 (liều bán tử) qua miệng	> 2000 mg/kg Chuột
LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp	Chuột > 2.3 mg/l (Al2O3) Khí dung Nồng độ tối đa có thể đạt được
IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)	Không Có Trong Danh Mục

Độc Tính Cấp	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại
Độc Tính Lâu Dài	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.

Các Tác Dụng Lâu Dài	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Gây Mẫn Cảm Đường Hô Hấp	Không có thông tin
Tổn thương nặng/kích ứng mạnh cho mắt	Không kích ứng Thỏ
Ăn Mòn/Kích Ứng Da	Không kích ứng Thỏ
Gây Mẫn Cảm Da	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại Không phải là chất gây mẫn cảm da Chuột guinea pig
Khả năng gây đột biến gien	ngoài cơ thể Không gây độc cho vi khuẩn và hệ thống tế bào động vật có vú. trong cơ thể Mutagenicity (micronucleus test) Chuột Âm Tính (trọng lượng của phương pháp tiếp cận bằng chứng)
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có thông tin.
Các Tác Dụng Cho Sinh Sản	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
ĐộcTính Sinh Sản	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Khả năng gây ung thư	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chí phân loại.
Độc tính đối với cơ quan đích đặc hiệu - Tiếp xúc một lần	Không được phân loại.
Độc tính đối với cơ quan đích đặc hiệu - Tiếp xúc nhiều lần	Không có thông tin.
Thông tin về hỗn hợp so với chất	Không có thông tin

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc tính sinh thái	Không được xem là có hại cho thủy sinh vật.
Nhôm hydroxyd	
Phân Loại WGK (AwSV)	5220 WGK: nwg
12.2. Độ bền và khả năng phân hủy	Các phương pháp xác định khả năng phân hủy sinh học không áp dụng được cho các chất vô cơ.
12.3. Khả năng tích tụ sinh học	Không có khả năng phân hủy sinh học.
Hệ số phân tách	Không có thông tin
Hệ số tích tụ sinh học (BCF)	Không có.

12.4. Di Chuyển Trong Đất Không có thông tin.

12.5. Kết quả đánh giá PBT (Bền, Tích Tụ Sinh Học, và Độc) và vPvB (Rất Bền, Rất Tích Tụ Sinh Học Chất này không đạt tiêu chuẩn để phân loại là chất PBT(bền, tích tụ sinh học, độc) hoặc vPvB (rất bền, rất tích tụ sinh học).

12.6. Các Tác Dụng Có Hại Khác Không có thông tin

MỤC 13: Xem Xét Về Việc Thải Bỏ

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Các Phương Pháp Thải Bỏ Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.

Bao Bì Đã Bị Nhiễm Dụng cụ đựng đã cạn phải được chuyển đến cơ sở xử lý chất thải được chấp thuận để tái chế hoặc thải bỏ.

Các mã chất thải Người dùng nên ấn định mã chất thải theo ứng dụng mà sản phẩm đã dùng

Nhôm hydroxyd

Danh Mục Chất Thải Châu Âu 060299
Phân Loại WGK (AwSV) 5220 WGK: nwg

MỤC 14: Thông tin về vận chuyển

Phương Thức Vận Chuyển (Đường Bộ, Đường Sông/Biển, Đường Sắt)

TDG -Canada	Không được quy định
DOT	Không được quy định
ADR	Không được quy định
RID	Không được quy định
ADN	Không được quy định
IATA	Không được quy định
IMDG/IMO	Không được quy định
ICAO	Không được quy định

14.1. Số UN Không có

14.2. Tên riêng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Không có

14.3. (các) nhóm hiểm họa vận chuyển Không có

14.4. Nhóm đóng gói Không có

14.5. Các hiểm họa cho môi trường Không

14.6. Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng Không áp dụng

14.7. Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC
Không áp dụng

MỤC 15: Thông tin về quy định

15.1. Quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường riêng cho chất hoặc hỗn hợp

Danh Mục Toàn Cầu

Chất/hỗn hợp tinh khiết Chất

Tên Hóa Chất	Số CAS	Số EC	Số đăng ký REACH (Đăng Ký, Đánh Giá, Cấp Phép, và Hạn Chế về Hóa Chất)	Úc (Danh Mục Hóa Chất - AICS)	Canada (DSL)	Trung Quốc (IECSC)	Nhật Bản	Hàn Quốc (KECL)	Mexico	New Zealand	Philipin (PICCS)	Đài Loan	TSCA (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Hoa Kỳ
Nhôm hydroxyd	21645-51-2	244-492-7	01-2119529246-39	Y	Y	Y	(1)-17 (ENCS); ISHL	KE-00980	Y	Y	Y	Y	A

Chú giải X / Y: Phù hợp ; A: Active ; - / N: Được miễn / Không Có Trong Danh Mục

Đức

Không được xem là có hại cho thủy sinh vật

Nhôm hydroxyd

Phân Loại WGK (AwSV) 5220 WGK: nwg

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

Việc Đánh Giá An Toàn Hóa Chất đã được thực hiện cho chất này

MỤC 16 - Thông tin khác

Nơi Soạn Thảo CP Kelco Global Regulatory Affairs
Email: Regulatory.Affairs@cpkelco.com.

GHS Phân loại Sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm theo hướng dẫn GHS của Liên Hợp Quốc (UN) và không yêu cầu phải ghi nhãn

Ký Hiệu/Hình Đồ Không có

Từ Cảnh Báo Không có

Tiêu ngữ hiểm họa Không có

Nhận diện hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý Không được phân loại

Các Hiểm Họa Cho Sức Khỏe Không được phân loại

Hiểm họa môi trường Không được phân loại

Các từ viết tắt

Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)
Hiệp Hội Vận Chuyển Hàng Không Quốc Tế (IATA)
Quy Định Quốc Tế về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Hóa Gây Nguy Hiểm (IMDG)
Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Quốc Tế Về Thông Tin Hóa Chất (IUCLID)
Tình trạng và phân loại theo Hệ Thống Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm Tại Nơi Làm Việc (WHMIS)
SARA của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường (EPA) Tiêu đề III Mục 312 (40 CFR 370) Phân Loại Hiểm Họa
DOT (Bộ Giao Thông Vận Tải)
OHSA (Cơ Quan Quản Lý An Toàn Lao Động và Sức Khỏe Nghề Nghiệp thuộc Bộ Lao Động Hoa Kỳ)
TWA - Time-Weighted Average (Nồng Độ Bình Quân Có Thể Tiếp Xúc)
Mục 313 Tiêu Đề III của Đạo Luật Sửa Đổi và Tái Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia (Superfund) năm 1986 (SARA)
Quy Định (EC 1272/2008) về Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói Các Chất và Hỗn Hợp (CLP)
PPE - Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân
NIOSH - Viện Quốc Gia về An Toàn Lao Động và Bệnh Nghề Nghiệp
TDG (Quy Định Về Vận Chuyển Hàng Nguy Hiểm) Canada
CERCLA (Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó, Bồi Thường, và Trách Nhiệm Môi Trường)
Số Lượng Phải Báo Cáo (RQ) (RQ/% trong hỗn hợp)
STEL - Short Term Exposure Limit (Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn)
TLV® - Threshold Limit Value (Giá Trị Giới Hạn Ngưỡng)
Mức Không Tác Dụng Suy Diễn (DNEL)
SVHC: chất ứng viên có mối lo ngại rất cao Chất có Mối Lo Ngại Rất Cao cần Cấp Phép:
Vận chuyển đường bộ ADR/RID
Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD)
Nhu cầu oxy hóa học (COD)
ICAO (đường không)
(IMDG) Quy Định Quốc Tế về Vận Chuyển Đường Biển Hàng Hóa Gây Nguy Hiểm
Thiết Bị Thở Độc Lập (SCBA) Có Áp Suất Dương
Nồng độ dự đoán không tác dụng (PNEC)
Hệ Thống Hài Hòa Toàn Cầu (GHS)

Tuyên bố miễn trách Thông tin cung cấp trong Bản Thông tin an toàn này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn

TIÊU ĐỀ ĐẦU TRANG